

**UBND THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 182A /TCKH-NS

V/v công bố công khai số liệu và thuyết minh
dự toán ngân sách địa phương năm 2022
trình Hội đồng nhân dân thành phố

TP. Hải Dương, ngày 21 tháng 12 năm 2021

Kính gửi: Văn phòng HĐND & UBND thành phố

*Căn cứ Thông tư 343/2016/ TT - BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách.*

Phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp các mẫu biểu công khai số liệu và
thuyết minh dự toán ngân sách địa phương năm 2022 trình Hội đồng nhân dân
thành phố.

(chi tiết theo báo cáo thuyết minh và mẫu biểu đính kèm)

Phòng Tài chính – Kế hoạch đề nghị Văn phòng HĐND & UBND thành
phố công bố trên Cổng thông tin điện tử của UBND thành phố Hải Dương theo
quy định. /llll

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: TCKH.

TRƯỞNG PHÒNG


Phạm Thị Thanh Vân

BÁO CÁO THUYẾT MINH
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG NĂM 2022

Năm 2022, là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, là năm đầu của thời kỳ ổn định NSNN mới 2022-2025 có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2021-2025 và các mục tiêu chiến lược tài chính đến năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022; Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2022-2024; Căn cứ Dự thảo Nghị quyết Quy định hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2022 và giai đoạn 2023-2025; Nghị quyết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2022 và giai đoạn 2023-2025;

Dự toán thu chi ngân sách địa phương năm 2022 được xây dựng như sau:

I. Thu ngân sách:

1. Thu NSNN trên địa bàn năm 2022: 1.671 tỷ 700 triệu đồng, trong đó:

- + Thu tiền sử dụng đất là 1.000 tỷ đồng bằng 100% so với dự toán năm 2021;
- + Thu thường xuyên: 671 tỷ 700 triệu đồng bằng 94,39% so với dự toán năm 2021;

2. Thu ngân sách địa phương: 1.560 tỷ 030 triệu đồng, trong đó:

- + Thu tiền sử dụng đất là 953 tỷ 738 triệu đồng bằng 95,3% so với dự toán năm 2021;
- + Thu thường xuyên: 606 tỷ 292 triệu đồng bằng 118,6% so với dự toán năm 2021;

2. Nguyên tắc phân bổ, giao dự toán thu ngân sách:

- Giao số thu tiền sử dụng đất căn cứ theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2022 và giai đoạn 2023-2025, đảm bảo tính cân đối giữa các cấp ngân sách, rà soát kỹ trên cơ sở kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất các phường xã, thu các dự án đã, đang và sẽ có nguồn thu phát sinh trong năm 2022 có tính đến tình hình thực hiện của các năm trước.

- Giao dự toán thu thường xuyên năm 2022 phải bám sát các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2022 và giai đoạn 2023-2025. Mức giao thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế của từng phường xã.

II. Chi ngân sách:

1. Nguyên tắc phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước:

Năm 2022 là năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 nên việc phân bổ dự toán chủ yếu trên cơ sở định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN giai đoạn 2022-2025, do đó nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên chủ yếu tập trung vào một số nội dung sau:

- Xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2022 của các đơn vị sử dụng ngân sách khối tỉnh hệ thống định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022-2025, chính sách, chế độ, định mức chi NSNN hiện hành. Đối với khối quản lý hành chính, phân bổ ngân sách năm 2022 trên cơ sở đảm bảo đủ quỹ lương, định mức phân bổ chi thường xuyên theo biên chế (gồm chi công việc đảm bảo bộ máy vận hành, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ được kết cấu vào định mức) và nhiệm vụ đặc thù của các đơn vị.

- Dự toán chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp được xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thực hiện tiết kiệm tối thiểu 10% chi thường xuyên (ngoài chi lương, các khoản đóng góp theo lương theo quy định, các khoản chi cho con người và các khoản chi chế độ chính sách theo quy định) để bổ sung nguồn cải cách tiền lương.

- Hạn chế tối đa mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định, tiết giảm các nhiệm vụ chi không thực sự cấp bách như: đoàn ra, đoàn vào, khánh tiết, hội thảo, hội nghị..., tăng chi từ

nguồn thu sự nghiệp công; dành nguồn lực cải cách tiền lương theo lộ trình, thực hiện chuẩn nghèo mới, chi trợ cấp xã hội tăng thêm theo chính sách của địa phương.

- Dự toán 2022 chỉ xem xét cân đối bố trí kinh phí mua sắm các trang thiết bị làm việc cho cán bộ công chức, viên chức khối quản lý hành chính, đảng, đoàn thể chính trị - xã hội mới thi tuyển và một số trường hợp cần thiết khác theo đúng tiêu chuẩn định mức tại Quyết định 50/2017/QĐ-TTg. Không bố trí chi thường xuyên cho các nhiệm vụ xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

2. Phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2022

Dự toán năm 2022 đã đáp ứng cơ bản các nhiệm vụ chi cần thiết, cụ thể như sau:

a) Chi đầu tư phát triển: 971 tỷ 680 triệu đồng, đạt 88,89% so với dự toán năm 2021, trong đó dự toán chi từ thu tiền sử dụng đất là 953 tỷ 738 triệu đồng, từ thu nguồn XDCB tập trung là 17 tỷ 942 triệu đồng

b) Chi thường xuyên: 912 tỷ 404 triệu đồng, bằng 86,22% so với dự toán năm 2021

c) Dự phòng ngân sách: 31 tỷ 863 triệu đồng bố trí thực hiện theo quy định của Luật NSNN để thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách các cấp mà chưa được dự toán, hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới, chi hỗ trợ các địa phương khác.

d) Tiết kiệm 10% chi thường xuyên: 12.594 triệu đồng.

e) Chi từ vượt thu ngân sách (dự kiến): 22.834 triệu đồng.

g) Bổ sung cho ngân sách cấp dưới: 129 tỷ 333 triệu đồng, gồm:

- Bổ sung cân đối cho ngân sách cấp xã: 68 tỷ 929 triệu đồng.

- Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã: 60 tỷ 404 triệu đồng.

IV. Các giải pháp thực hiện dự toán ngân sách năm 2022

Để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu chi ngân sách Nhà nước năm 2022, cần tập trung thực hiện tốt các giải pháp sau:

1. Về thu ngân sách:

1.1. Tập trung công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, kịp thời tuyên truyền các văn bản chính sách pháp luật về thuế và các chính sách có liên quan; các kế hoạch triển khai công tác quản lý thuế trên địa bàn bằng nhiều hình thức để người nộp thuế nắm, hiểu rõ và thực hiện đúng theo quy định; hàng tháng, hàng quý đều có bài viết tuyên truyền trên trang “Thành Đông ngày mới”; hỗ trợ kịp thời người nộp thuế

trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế nhất là việc thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử.

1.2. Tăng cường công tác theo dõi chặt chẽ tiến độ thu NSNN, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn, từng khu vực, từng sắc thuế, tổng hợp báo cáo kịp thời kết quả thu. Đồng thời rà soát, phân tích cơ sở dữ liệu, thu thập thông tin, kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả.

1.3 Đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính về thuế, đưa vào áp dụng hàng loạt các dịch vụ thuế điện tử; đẩy cấp độ hỗ trợ lên cấp độ 3,4; thực hiện chuyển đổi số các dịch vụ công như nộp tờ khai, nộp thuế điện tử của hộ kinh doanh, triển khai thanh toán điện tử nghĩa vụ tài chính về đất đai trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

1.4. Công tác quản lý thuế đối với các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh: Tập trung thực hiện Kế hoạch số 467/KH-UBND về triển khai các giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế đối với các hộ kinh doanh; chỉ đạo các đội thuế phối hợp với Ủy nhiệm thu rà soát thu hồi các hộ nợ đọng thuế; rà soát các hộ kinh doanh có doanh thu đạt ngưỡng chịu thuế đưa vào quản lý.

2. Về chi ngân sách:

2.1. Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, đúng chế độ quy định; nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, đẩy mạnh cải cách hành chính, tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2.2. Các phòng ban, đơn vị chủ đầu tư, UBND các phường, xã phối hợp, tập trung đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng các dự án có thu tiền sử dụng đất, các dự án tạo nguồn thu, tổ chức đấu giá đất để đảm bảo kịp thời đáp ứng cho chi đầu tư thực hiện các dự án trọng điểm, quan trọng của thành phố.

2.3. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thiện các thủ tục về thanh, quyết toán để giải ngân các dự án đã được bố trí vốn, kịp thời xử lý khi có khó khăn vướng mắc, đặc biệt trong công tác giải phóng mặt bằng; thực hiện điều chuyển các nguồn vốn không có khả năng giải ngân hoặc bổ sung thêm vốn cho các dự án theo khả năng cân đối ngân sách thành phố.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	2.011.779
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	1.560.030
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	1.161.975
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	398.055
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	451.749
-	Thu bổ sung cân đối	332.601
-	Thu bổ sung có mục tiêu	119.148
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	2.011.779
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	1.951.375
1	Chi đầu tư phát triển	971.680
2	Chi thường xuyên	912.404
3	Dự phòng ngân sách	31.863
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	35.428
II	Chi các chương trình mục tiêu	60.404
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	24
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	60.380
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Biểu số 82/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM
2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách	1.837.409
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	1.385.660
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	451.749
-	Thu bổ sung cân đối	332.601
-	Thu bổ sung có mục tiêu	119.148
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	1.837.409
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	1.708.076
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	129.333
-	Chi bổ sung cân đối	68.929
-	Chi bổ sung có mục tiêu	60.404
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	303.703
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	174.370
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	129.333
-	Thu bổ sung cân đối	68.929
-	Thu bổ sung có mục tiêu	60.404
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	303.703

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Biểu số 83/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	1.671.700	1.560.030
I	Thu nội địa	1.671.700	1.560.030
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	10.500	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	303.150	335.152
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.370	93.300
	- Thuế tài nguyên	220	338
	- Thuế giá trị gia tăng	258.450	240.674
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	110	840
5	Thuế thu nhập cá nhân	101.350	59.608
6	Thuế bảo vệ môi trường		-
7	Lệ phí trước bạ	150.000	100.876
8	Thu phí, lệ phí	26.000	21.300
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		500
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	14.500	7.200
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	20.800	60.900
12	Thu tiền sử dụng đất	1.000.000	953.738
13	Thuế môn bài		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		6
16	Thu khác ngân sách	44.500	19.850
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	900	900
II	Thu viện trợ		

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Biểu số 84/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	2.011.779	1.708.076	303.703
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.951.375	1.708.076	243.299
I	Chi đầu tư phát triển	971.680	817.942	153.738
1	Chi đầu tư cho các dự án	971.680	817.942	153.738
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	-		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-		
-	Chi khoa học và công nghệ	-		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	-	-	-
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-		
-	Chi đầu tư từ nguồn vốn XDCB tập trung	-		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-		
2	Chi đầu tư phát triển khác	-		
II	Chi thường xuyên	912.404	825.156	87.248
	Trong đó:	-		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	442.428	442.428	
2	Chi khoa học và công nghệ	-		
III	Dự phòng ngân sách	31.863	29.550	2.313
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	35.428	35.428	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	60.404		60.404
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	24		24
	Chương trình MTQG Nông thôn mới	24		24
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	60.380		60.380
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu nhiệm vụ)	60.380		60.380
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.814.575
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	129.333
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	1.685.242
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	817.942
1	Chi đầu tư cho các dự án	817.942
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	825.156
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	442.428
2	Chi khoa học và công nghệ	
3	Chi khác	35.753
4	Chi văn hóa thông tin thể thao	3.256
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	2.291
7	Chi bảo vệ môi trường	125.032
8	Chi các hoạt động kinh tế	118.974
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	39.611
10	Chi bảo đảm xã hội	51.501
11	Chi An ninh Quốc phòng	6.310
III	Dự phòng ngân sách	29.550
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	12.594
V	Chi chương trình mục tiêu	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Biểu số 86/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2022
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CTMTQG)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CTMTQG)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	1.758.188	817.942	910.696	29.550	-	-	-	-	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	1.607.345	817.942	789.403	-	-	-	-	-	-
1	Sự nghiệp giao thông	29.466		29.466						
2	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	83.951		83.951						
3	Sự nghiệp môi trường	125.032		125.032						
4	Sự nghiệp nông nghiệp	3.106		3.106						
5	Hạt quản lý đê	150		150						
6	Đội kiểm tra quy tắc	2.301		2.301						
9	Trung tâm văn hoá thông tin thể thao	2.391		2.391						
10	CLB Nguyễn Trãi	865		865						
11	SN phát thanh truyền hình	2.291		2.291						
12	Sự nghiệp giáo dục	432.685		432.685						
13	Sự nghiệp đào tạo	9.743		9.743						
14	Hội người mù	417		417						
15	Văn phòng HĐND-UBND	6.282		6.282						
16	Phòng Tư Pháp	617		617						
17	Phòng Thanh Tra	1.224		1.224						
18	Phòng Tài nguyên - Môi trường	2.037		2.037						
19	Phòng Y tế	663		663						
20	Phòng Kinh tế	1.211		1.211						
21	Phòng Quản lý đô thị	1.876		1.876						
22	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2.820		2.820						
23	Phòng giáo dục	1.986		1.986						
24	Phòng nội vụ	2.509		2.509						
25	Phòng Lao động TBXH	53.674		53.674						

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

Biểu số 87/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỆ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CÔNG AN, QUẢN SỰ	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI GIAO THÔNG			CHI TRONG ĐÓ
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	10.1	10.2	11	12
	TỔNG SỐ	796.148	31.658	-	-	-	-	-	28.373	5.188	730.029	196.879	-	900	-
1	Ban QLDA đường Tân Dân	6.000									6.000	6.000			
2	Ban QLDA đầu tư XD CB	687.148	31.658						28.373	5.188	621.029	190.879		900	
3	Ban QLDA đầu tư XD CB phát triển tổng hợp các đô thị động lực	103.000									103.000				

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

Biểu số 88/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ									
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN THỂ THAO	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN TẤN	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI GIAO THÔNG	CHI TRONG ĐÓ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
A	B	1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ	789.403	442.428	3.256	2.291	125.032	118.974	29.466	29.466	39.611	6.310	51.501
1	Sự nghiệp giao thông	29.466					29.466					
2	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	83.951					83.951					
3	Sự nghiệp môi trường	125.032				125.032						
4	Sự nghiệp nông nghiệp	3.106					3.106		3106			
5	Hạt quản lý đê	150					150		150			
6	Đội kiểm tra quy tắc	2.301					2.301					
7	Trung tâm văn hoá thông tin thể thao	2.391		2.391								
8	CLB Nguyễn Trãi	865		865								
9	SN phát thanh truyền hình	2.291			2.291							
10	Sự nghiệp giáo dục	432.685	432.685									
11	Sự nghiệp đào tạo	9.743	9.743									
12	Hội người mù	417								417		
13	Văn phòng HĐND-UBND	6.282								6.282		
14	Phòng Tư Pháp	617								617		
15	Phòng Thanh Tra	1.224								1.224		

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2022
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Biểu số 89/CK-NSNN

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp		Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã	
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách xã hưởng 100%					Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	461.432	174.370	900	173.470	68.628	0	0	242.998
1	Bình Hàn	9.291	4.665	0	4.665	3.059			7.724
2	Cầm Thượng	5.303	2.106	0	2.106	2.491			4.597
3	Hải Tân	20.605	9.826	0	9.826	2.827			12.653
4	Ngọc Châu	6.263	3.188	0	3.188	3.047			6.235
5	Phạm Ngũ Lão	12.655	6.365	0	6.365	2.046			8.411
6	Nguyễn Trãi	3.090	1.095	0	1.095	2.889			3.984
7	Trần Phú	12.264	4.565	0	4.565	1.582			6.147
8	Trần Hưng Đạo	4.351	1.991	0	1.991	2.578			4.569
9	Quang Trung	8.350	4.006	0	4.006	2.992			6.998
10	Thanh Bình	18.381	9.055	0	9.055	2.512			11.567
11	Việt Hòa	17.244	10.536	100	10.436	3.075			13.611
12	Tứ Minh	35.504	11.386	0	11.386	3.476			14.862
13	Lê Thanh Nghị	10.766	6.053	0	6.053	2.295			8.348
14	Tân Hưng	22.686	6.326	25	6.301	2.877			9.203
15	Thạch Khôi	60.580	14.349	0	14.349	2.824			17.173
16	Nam Đồng	1.826	1.360	40	1.320	3.261			4.621
17	Ái Quốc	2.706	1.616	40	1.576	3.139			4.755
18	Nhị Châu	8.315	5.881	0	5.881	2.774			8.655
19	Tân Bình	23.812	9.535	0	9.535	2.308			11.843
20	An Thượng	2.977	1.973	195	1.778	3.149			5.122
21	Tiền Tiến	129.718	42.349	180	42.169	2.472			44.821
22	Quyết Thắng	32.452	7.660	70	7.590	2.774			10.434
23	Ngọc Sơn	1.766	1.445	50	1.395	3.016			4.461
24	Liên Hồng	6.640	4.075	180	3.895	2.504			6.579
25	Gia Xuyên	3.887	2.964	20	2.944	2.661			5.625

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Biểu số 90/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1	2	3	4
	TỔNG SỐ	60.404	-	60.404	-
1	Bình Hàn	3.127		3.127	
2	Cầm Thượng	2.117		2.117	
3	Hải Tân	3.333		3.333	
4	Ngọc Châu	3.193		3.193	
5	Phạm Ngũ Lão	2.736		2.736	
6	Nguyễn Trãi	2.195		2.195	
7	Trần Phú	1.856		1.856	
8	Trần Hưng Đạo	1.791		1.791	
9	Quang Trung	2.433		2.433	
10	Thanh Bình	2.665		2.665	
11	Việt Hòa	2.508		2.508	
12	Tứ Minh	2.403		2.403	
13	Lê Thanh Nghị	2.034		2.034	
14	Tân Hưng	2.201		2.201	
15	Thạch Khôi	2.274		2.274	
16	Nam Đồng	2.301		2.301	
17	Ái Quốc	2.656		2.656	
18	Nhị Châu	2.147		2.147	
19	Tân Bình	2.744		2.744	
20	An Thượng	2.911		2.911	
21	Tiền Tiến	1.890		1.890	
22	Quyết Thắng	2.510		2.510	
23	Ngọc Sơn	2.037		2.037	
24	Liên Hồng	2.267		2.267	
25	Gia Xuyên	2.075		2.075	

A	PHÂN THỬ NHẤT: CÁC DỰ ÁN PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2022					6.040.558	5.263.276	891.743	812.923	4.590.353	4.450.353	817.942	
A.1	CÁC DỰ ÁN TÍNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ, GIAO THÀNH PHỐ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ					90.517	76.697	59.723	45.903	30.794	30.794	-	
c	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>					90.517	76.697	59.723	45.903	30.794	30.794	-	
1	Trường Tiểu học Tân Bình	Ban QLDA	3209 (17/12/2014)			68.133	67.383	39.638	38.888	28.495	28.495		
2	Xây dựng 1 số đoạn tuyến thuộc đường gom phía Bắc Quốc lộ 5 đoạn đi qua TPHCM (từ Km51+035 đến Km54+205)	Ban QLDA	957 (27/03/2018)			22.384	9.314	20.085	7.015	2.299	2.299		
A2	CÁC DỰ ÁN THÀNH PHỐ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ, SỬ DỤNG NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ					5.950.041	5.186.579	832.020	767.020	4.559.559	4.419.559	817.942	
I	CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM					2.674.606	2.674.606	150.195	150.195	2.524.411	2.524.411	384.000	
1	Xây dựng đường vành đai 1 (đoạn từ xã Liên Hồng đến xã Ngọc Sơn)	Ban QLDA	4860 (09/8/2020)			885.606	885.606	149.469	149.469	736.137	736.137	183.000	
2	Cải tạo, mở rộng đường VU Công Dân kết nối thành phố Hải Dương với vùng huyện Cẩm Giàng, Bình Giang	Ban QLDA	NQ 41 (18/12/2020)			1.175.000	1.175.000	726	726	1.174.274	1.174.274	200.000	
3	Phát triển giao thông đô thị - thành phố Hải Dương (Xây dựng cầu vượt Bùi Thị Xuân)					614.000	614.000	-	-	614.000	614.000	1.000	
II	CÁC DỰ ÁN TẠO NGUỒN					1.155.455	1.155.455	117.918	117.918	1.037.537	1.037.537	216.000	
c	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					146.633	146.633	87.270	87.270	59.363	59.363	12.600	
1	Hạ tầng kỹ thuật khu Nam đường Việt Hòa, Phường Việt Hòa	Ban QLDA	2780 (12/10/2018)			67.105	67.105	46.054	46.054	21.051	21.051	7.600	
2	XD hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư tại khu đất trạm vật tư nông nghiệp TP, P Tân Bình, TPHCM	Ban QLDA	2153 (07/8/2014)			10.169	10.169	2.454	2.454	7.715	7.715	-	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư đường gom ven Quốc lộ 5 phường Từ Minh, thành phố Hải Dương	Ban QLDA khu tái định cư đường gom ven	2544 (09/12/2016)			37.300	37.300	11.726	11.726	25.574	25.574	-	
4	Đầu tư xây dựng khu dân cư phía Đông đường Tân Dân, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương	Ban QLDA Công trình	2127 (30/7/2020)			32.059	32.059	27.036	27.036	5.023	5.023	5.000	
d	Dự án dự kiến khởi công mới năm 2022					1.008.822	1.008.822	30.648	30.648	978.174	978.174	203.400	
*	Dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư					1.008.822	1.008.822	30.648	30.648	978.174	978.174	203.400	
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới khu 3 phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương	Ban QLDA	NQ 44 (18/12/2020)			116.088	116.088	-	-	116.088	116.088	-	

16	Cải tạo dải cây xanh giữa Quốc lộ 5 và đường Hoàng Đông Niên)	Ban QLDA	828 (26/2/2021)	14.628	14.628	11.514	11.514	3.114	3.114	1.650
17	Cải tạo, nâng cấp phòng lớp học, sân thể dục trường THCS Trần Hưng Đạo	Ban QLDA	5159 (17/8/2021)	1.061	1.061	444	444	617	617	510
18	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng trường Tiểu học Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Dương	Ban QLDA	4834 (06/8/2021)	13.700	13.700	10.213	10.213	3.487	3.487	2.120
19	Các dự án triển khai thực hiện đề án phố đi bộ, chợ đêm Bạch Đằng. Gồm:			19.743	19.743	14.133	14.133	5.610	5.610	3.640
	Hạ ngầm đường dây điện đường Bạch Đằng, thành phố Hải Dương	Ban QLDA	5131 (16/8/2021)	8.213	8.213	6.500	6.500	1.713	1.713	900
	Cải tạo, thay thế hệ thống cột điện chiếu sáng đô thị và đầu tư xây dựng hệ thống chiếu sáng nghệ thuật hai bên bờ sông Bạch Đằng	Ban QLDA	5132 (16/8/2021)	9.670	9.670	7.633	7.633	2.037	2.037	1.070
	Cải tạo cầu Hồng Quang, thành phố Hải Dương	Ban QLDA	7772 (13/12/2021)	1.860	1.860	-	-	1.860	1.860	1.670
b	Các dự án chuyển tiếp			273.557	273.557	102.225	102.225	171.332	171.332	27.808
1	Xây dựng đường Tân Dân đoạn từ đường sắt đến đường phố Văn, phường Việt Hoà, thành phố Hải Dương	Ban QLDA	1572 (30/6/2017)	50.000	50.000	36.428	36.428	13.572	13.572	1.000
2	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải khu vực đường Đoàn Kết, thành phố Hải Dương	Ban QLDA	3364 (19/5/2021)	14.690	14.690	5.688	5.688	9.002	9.002	2.300
3	Cải tạo, nút giao giữa đường Tống Duy Tân với đường Nguyễn Hữu Cầu, phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương	Ban QLDA	4749 (02/8/2021)	9.786	9.786	150	150	9.636	9.636	2.000
4	Xây dựng trường mầm non Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương	Ban QLDA	6146 (08/10/2021)	38.160	38.160	13.240	13.240	24.920	24.920	4.461
5	Trường mầm non Bình Minh, thành phố Hải Dương	Ban QLDA	6176 (13/10/2021)	55.470	55.470	11.279	11.279	44.191	44.191	4.000
6	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng 24 phòng trường TH Hải Tân, thành phố Hải Dương	Ban QLDA	6100 (07/10/2021)	31.600	31.600	10.917	10.917	20.683	20.683	5.877
8	Cải tạo hệ thống cây xanh trên dải phân cách đường Trường Chinh - Võ Nguyên Giáp thành phố Hải Dương	Ban QLDA		14.650	14.650	-	-	14.650	14.650	
10	Cải tạo hệ thống kênh tiêu thoát nước phía sau đường Trần Hưng Đạo, đoạn từ đường giáp đường Trần Thánh Tông đến hồ Tân Phong, phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương	Ban QLDA	7375 (26/11/2021)	12.748	12.748	5.915	5.915	6.833	6.833	2.500
11	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng 4 phòng trường TH Thanh Bình	Ban QLDA	6463 (01/11/2021)	2.836	2.836	1.056	1.056	1.780	1.780	470
12	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng 16 phòng và nhà đa năng Trường THCS Việt Hòa, thành phố Hải Dương	Ban QLDA	6175 (13/10/2021)	40.327	40.327	17.454	17.454	22.873	22.873	3.000

6	Xây dựng sân vườn và các hạng mục phụ trợ trạm y tế xã Quyết Thắng	UBND xã Quyết Thắng	153b (23/10/2019)	2.183	2.183	-	-	2.183	2.183	2.183	2.183
7	Xây dựng nhà quản lý, gia cố bê hút và nâng cao năng lực thoát nước công tự chảy trạm bơm Bình Lâu	Ban QLDA	3928 (30/9/2019)	3.824	3.824	-	-	3.824	3.824	3.824	3.824
8	Cải tạo sân, hệ thống thoát nước, đường vào trường THCS Thạch Khôi	UBND Phường Thạch Khôi		4.300	4.300	-	-	4.300	4.300	4.300	4.300
9	Xây dựng đường trục kết nối xã Thượng Đạt và xã An Châu (đoạn từ tỉnh lộ 390 đến đường dẫn cầu Hàn) -	Ban QLDA		20.800	20.800	-	-	20.800	20.800	20.800	20.800
10	Xây dựng điểm dân cư số 5, phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương	UBND phường Nhị Châu	40 (30/5/2019)	3.214	3.214	300	300	3.214	3.214	3.214	3.214
11	Xây dựng nhà để xe cán bộ chiến sĩ, xe xử lý vi phạm	Công an	4340	6.967	6.967	381	381	6.586	6.586	6.586	6.586
II	Các dự án đã bố trí vốn đến 80% TMIĐT			80.011	80.011	70.240	70.240	9.771	9.771	9.771	9.771
b	Các dự án hoàn thành chưa quyết toán			80.011	80.011	70.240	70.240	9.771	9.771	9.771	9.771
1	HT kĩ thuật khu dân cư Kim Lai, phường Ngọc Châu, tp HD	Ban QLDA	1579 (14/12/2006)	20.340	20.340	20.081	20.081	259	259	259	259
2	Tổ chức nút giao thông Tam Giang thành phố Hải Dương	Ban QLDA	2365 (19/08/2011)	18.446	18.446	17.735	17.735	711	711	711	711
3	Khu dân cư Đông Ngỗ Quyền giai đoạn II	Ban QLDA	2828 (16/7/2004)	41.225	41.225	32.424	32.424	8.801	8.801	8.801	8.801